

PHẠM VI BAO PHỦ VÀ KHOẢNG TRỐNG TRONG CHÍNH SÁCH VIỆT NAM LIÊN QUAN ĐẾN SỨC KHỎE CỦA LAO ĐỘNG TỰ DO NGOÀI TRỜI TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU: TỔNG QUAN CÓ HỆ THỐNG

Nguyễn Văn Kính¹, Nguyễn Thu Giang², Trương Hồng Sơn^{1,3},
Nguyễn Việt Hưng², Hoàng Hà Linh³, Lê Việt Anh³.

TÓM TẮT

Mục tiêu: Tổng quan các văn bản chính sách liên quan đến sức khỏe của người lao động tự do ngoài trời trong bối cảnh biến đổi khí hậu tại Việt Nam.

Phương pháp: Nghiên cứu tổng quan có hệ thống các văn bản được tìm kiếm trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về Văn bản pháp luật. Dữ liệu được tổng hợp theo các lĩnh vực chính sách; trong lần hiệu chỉnh, mức độ liên quan của từng văn bản được đánh giá lại theo ba nhóm: trực tiếp, rộng hơn và gián tiếp.

Kết quả: Có 45 văn bản trong tập tài liệu ban đầu; không có văn bản nào tập trung đồng thời vào lao động tự do ngoài trời, nguy cơ nghề nghiệp nhạy cảm với khí hậu và biện pháp bảo vệ sức khỏe. Các quy định liên quan chủ yếu thuộc các lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động, bảo hiểm và an sinh xã hội, tiếp cận dịch vụ y tế, thông tin và huấn luyện, khí hậu - môi trường và trách nhiệm quản lý.

Kết luận: Cần phân biệt giữa nội dung có khả năng áp dụng gián tiếp và sự bao phủ chính sách rõ ràng đối với nhóm đích. Khoảng trống chính là chưa có sự ghi nhận tích hợp lao động tự do ngoài trời trong các quy định về sức khỏe nghề nghiệp, an sinh xã hội và thích ứng khí hậu.

Từ khóa: biến đổi khí hậu; sức khỏe; người lao động tự do ngoài trời; chính sách; tổng quan.

SUMMARY

COVERAGE AND GAPS IN VIETNAMESE POLICIES RELEVANT TO THE HEALTH OF OUTDOOR INFORMAL WORKERS IN THE CONTEXT OF CLIMATE CHANGE: A SYSTEMATIC REVIEW

Objective: To review Vietnamese policy documents relevant to the health of outdoor informal workers in the context of climate change.

Methods: A systematic review of documents identified through the National Database of Legal Documents was conducted. Evidence was synthesized by policy domain, and document relevance was reassessed during revision as direct, broader, or indirect.

Results: The initial corpus comprised 45 documents. None simultaneously addressed outdoor informal workers, climate-sensitive occupational hazards, and health-protection measures. Relevant provisions mainly concerned occupational safety and health, insurance and social protection, healthcare access, information and training, climate and environmental risks, and institutional responsibilities. Conclusion: Potential indirect applicability should not be treated as explicit policy coverage. The principal gap is the absence of integrated recognition of outdoor informal workers across occupational-health, social-protection, and climate-adaptation provisions.

Keywords: climate change; health; outdoor informal workers; policy; review.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Biến đổi khí hậu toàn cầu đang tạo ra những tác động nghiêm trọng đến phát triển kinh tế - xã hội. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng đáng kể; mực nước biển dâng, lũ lụt, nhiệt độ tăng cao và ô nhiễm môi trường đe dọa trực tiếp đến sinh kế và sức khỏe cộng đồng (1, 2). Đặc biệt, lao động phi chính thức chiếm hơn 50% lực lượng lao động, gần 33 triệu người (3), thường có thu nhập không ổn định, mức độ bao phủ an sinh xã hội hạn chế và dễ bị ảnh hưởng bởi các hiện tượng thời tiết cực đoan. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành cho thấy sự quan tâm của Nhà nước đến sức khỏe người lao động và các yếu tố môi trường. Nghiên cứu này nhằm tổng quan các nội dung liên quan đến sức khỏe của người lao động tự do ngoài trời trong bối cảnh biến đổi khí hậu được quy định trong các văn bản pháp luật và chính sách hiện hành tại Việt Nam.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

2.1. Thiết kế nghiên cứu: Tổng quan hệ thống

2.2. Tiêu chuẩn lựa chọn

Trong tổng quan này, “người lao động tự do ngoài trời” được xác định là những người lao động phi chính thức, không có quan hệ lao động chính thức và thực hiện phần lớn công việc tại không gian ngoài trời hoặc nơi công cộng, bao gồm người bán hàng rong, người thu gom phế liệu, người làm xây dựng tự do và người hành nghề xe ôm/tài xế công nghệ.

¹Tổng hội Y học Việt Nam

²Viện Phát triển Sức khỏe Cộng đồng Ánh sáng - LIGHT

³Viện Y học ứng dụng Việt Nam

Tác giả chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Văn Kính

Email: kinhnv2959@gmail.com

Mã bài: N928

Ngày nhận bài: 5/4/2026

Ngày phản biện khoa học: 2/4/2026

Ngày duyệt bài: 5/6/2026

Các hiện tượng như nắng nóng, mưa lớn, ngập lụt và ô nhiễm không khí được xem là những nguy cơ môi trường có thể liên quan đến điều kiện làm việc ngoài trời, không phải là đặc điểm dùng để xác định đối tượng. Trên cơ sở đó, tổng quan tập trung rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hành chính hiện hành của Việt Nam có nội dung liên quan đến sức khỏe của người lao động tự do trong bối cảnh biến đổi khí hậu, được ban hành và còn hiệu lực trong giai đoạn 2004–2024.

Nhằm hạn chế bỏ sót trong giai đoạn tìm kiếm, phạm vi từ khóa được mở rộng từ sức khỏe của người lao động tự do ngoài trời sang sức khỏe của người lao động tự do nói chung. Các văn bản được đưa vào tập tài liệu ban đầu nếu: a) là văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ban hành; b) được ban hành trong giai đoạn 2004–2024 và còn hiệu lực tại thời điểm rà soát; và c) có ít nhất một quy định liên quan đến một trong bốn thành tố: Nhóm lao động đích, sức khỏe hoặc an toàn nghề nghiệp, điều kiện làm việc ngoài trời, hoặc nguy cơ nhạy cảm với khí hậu. Văn bản không chính thức, báo cáo và dự thảo bị loại trừ. Trong lần hiệu chỉnh, từng văn bản được đánh giá lại trên ba chiều: mức độ liên quan đến đối tượng, mức độ liên quan đến sức khỏe/ Nghề nghiệp và mức độ liên quan đến khí hậu/môi trường; văn bản không xác định được quy định cụ thể hỗ trợ việc đưa vào phải được xem xét loại khỏi phân tích.

2.3. Chiến lược tìm kiếm

Đề tài tiến hành tìm kiếm thủ công trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về Văn bản pháp luật bằng cách kết hợp các từ khóa với toán tử “AND” và “OR”. Chiến lược tìm kiếm được các nhà nghiên cứu và chuyên gia trong lĩnh vực lao động, sức khỏe và môi trường điều chỉnh cho phù hợp với cấu trúc và giới hạn của công cụ tìm kiếm trên cơ sở dữ liệu này. Các nhóm từ khóa liên quan đến “biến đổi khí hậu”, “sức khỏe”, “người lao động tự do” và “chính sách”.

Tìm kiếm được thực hiện từ tháng 2 đến tháng 5 năm 2024 và hoàn tất ngày 30/05/2024. Tình trạng hiệu lực của các văn bản được kiểm tra lần cuối ngày 30/08/2024. Chuỗi từ khóa sử dụng là: (“môi trường” OR “khí hậu” OR “thiên tai”) AND (“sức khỏe” OR “bệnh” OR “an toàn lao động”) AND (“người lao động” OR “ngoài trời” OR “không có quan hệ lao động”) AND (“luật” OR “chính sách” OR “thông tư” OR “nghị định” OR “nghị quyết” OR “kế hoạch”). Danh mục từ khóa mở rộng được rút gọn do giới hạn kỹ thuật của công cụ tìm kiếm trên cơ sở dữ liệu.

Sau khi loại bỏ 23 văn bản trùng lặp, hai nghiên cứu viên độc lập sàng lọc tiêu đề của 180 văn bản

còn lại. Có 51 văn bản bị loại do tiêu đề không phù hợp với đối tượng và phạm vi nghiên cứu; 129 văn bản được tiếp tục đánh giá toàn văn. Ở bước sàng lọc toàn văn, 84 văn bản bị loại, gồm 31 văn bản không đề cập người lao động tự do hoặc người làm việc không có quan hệ lao động; 24 văn bản không có nội dung liên quan đến sức khỏe hoặc an toàn, vệ sinh lao động; 17 văn bản chỉ đề cập khí hậu, môi trường hoặc thiên tai nhưng không thiết lập mối liên hệ với sức khỏe người lao động; 7 văn bản không còn hiệu lực hoặc nằm ngoài giai đoạn nghiên cứu; và 5 tài liệu không thuộc loại văn bản đủ điều kiện lựa chọn. Bất đồng trong quá trình sàng lọc được hai nghiên cứu viên thảo luận và giải quyết với sự tham gia của nghiên cứu viên thứ ba. Cuối cùng, 45 văn bản được đưa vào tổng hợp.

2.4. Trích xuất dữ liệu

Sau sàng lọc toàn văn, dữ liệu được trích xuất trên Excel 2019, gồm tên, loại, số và cơ quan ban hành văn bản; ngày ban hành, ngày có hiệu lực; mục tiêu, đối tượng/phạm vi, nội dung chính, kế hoạch hành động và khuyến nghị. Trong lần hiệu chỉnh, nhóm tác giả bổ sung trường ghi điều, khoản hoặc mục làm căn cứ đưa vào và phân loại mức liên quan: (1) trực tiếp - văn bản nêu rõ lao động tự do ngoài trời hoặc người làm việc không có quan hệ lao động và quy định một vấn đề sức khỏe/nguy cơ nghề nghiệp có liên quan; (2) rộng hơn - văn bản đề cập lao động tự do hoặc người làm việc không có quan hệ lao động nhưng không nêu riêng công việc ngoài trời hay nguy cơ nhạy cảm với khí hậu; (3) gián tiếp - quy định chung về sức khỏe nghề nghiệp, môi trường, dịch vụ y tế hoặc an sinh có khả năng áp dụng nhưng không xác định nhóm đích. Việc phân loại này được thực hiện trong lần tổng hợp sửa đổi, không phải là tiêu chí được xác định trước khi tìm kiếm.

2.5. Xử lý dữ liệu

Thống kê mô tả được thực hiện trên Stata 17; các biến định tính được trình bày dưới dạng n và %. Nội dung được tổng hợp theo sáu lĩnh vực: an toàn, vệ sinh lao động và sức khỏe nghề nghiệp; tiếp cận dịch vụ y tế; bảo hiểm và an sinh xã hội; thông tin và huấn luyện; khí hậu và môi trường; và trách nhiệm quản lý. Kết luận về phạm vi bao phủ chỉ dựa trên nội dung quy định được xác định trong toàn văn, không dựa trên tần suất xuất hiện của từ khóa.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

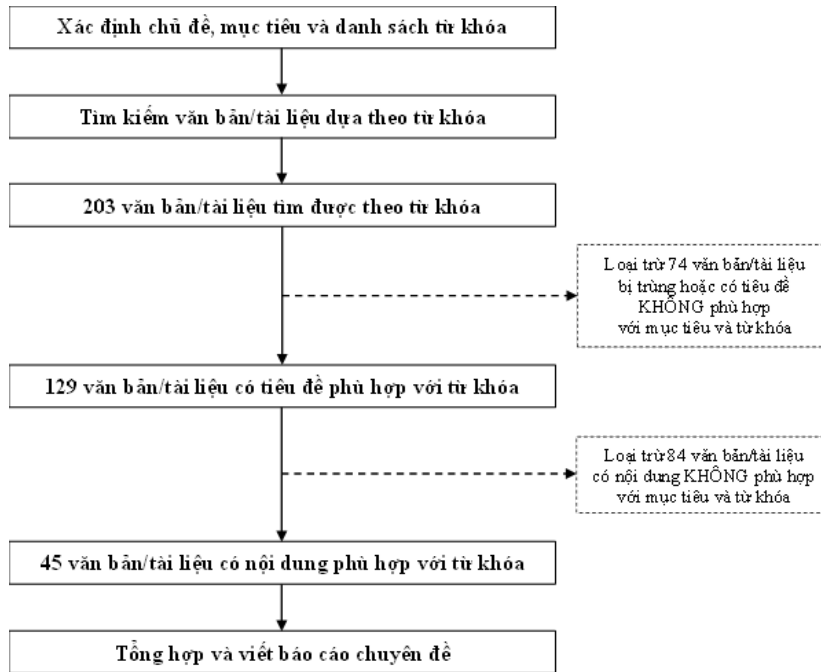
3.1. Kết quả tìm kiếm

Tổng cộng 203 văn bản được tìm thấy từ Cơ sở dữ liệu Quốc gia về Văn bản pháp luật. Có 74 văn

bản bị loại trước sàng lọc toàn văn và 129 văn bản được đọc toàn văn; 84 văn bản bị loại ở bước này, để lại 45 văn bản trong tập tài liệu ban đầu. Do nhật ký sàng lọc hiện có không tách số trùng lặp khỏi số loại theo tiêu đề và không ghi nhóm lý do loại toàn văn, sơ đồ tìm kiếm chỉ trình bày số gộp. Các tác giả cần cập nhật sơ đồ nếu khôi phục được dữ liệu gốc.

Xét theo loại văn bản, kế hoạch chiếm tỷ trọng cao nhất trong 45 văn bản (14 văn bản, 31%), tiếp theo là thông tư (12 văn bản, 27%) và nghị định

(7 văn bản, 16%); các loại còn lại chiếm từ 2% đến 9%. Các quy định có liên quan phân bố ở nhiều loại văn bản. Xét theo nội dung được mô tả, các lĩnh vực chính gồm an toàn, vệ sinh lao động; bảo hiểm xã hội và y tế; tiếp cận dịch vụ y tế; thông tin, huấn luyện; quản lý môi trường; và ứng phó với một số nguy cơ khí hậu. Việc phân bố theo loại văn bản tự nó không đủ để kết luận hệ thống chính sách thiếu thống nhất hoặc bị phân mảnh.



Hình 1. Sơ đồ tìm kiếm

3.2. Đặc điểm các chính sách hiện có

Trong tập 45 văn bản ban đầu, không có văn bản nào đồng thời xác định rõ người lao động tự do ngoài trời, nguy cơ nghề nghiệp nhạy cảm với khí hậu và biện pháp bảo vệ sức khỏe. Việc rà soát sửa đổi cho thấy cần tách quy định trực tiếp hoặc rộng hơn đối với người làm việc không có quan hệ lao động khỏi các văn bản chỉ có liên hệ gián tiếp qua y tế, môi trường hoặc an sinh. Bảng 1 bổ sung căn cứ đưa vào và mức độ liên quan sơ bộ; các ô ghi “cần xác minh” phải được đối chiếu với toàn văn trước khi chốt số lượng theo từng nhóm.

3.3. Tổng hợp theo lĩnh vực chính sách

Lĩnh vực chính sách	Văn bản được mô tả trong bản thảo	Đối tượng hoặc phạm vi thể hiện	Khoảng trống rút ra từ bằng chứng được rà soát
An toàn, vệ sinh lao động và sức khỏe nghề nghiệp	Luật 84/2015/QH13; Nghị định 39/2016/NĐ-CP và 44/2016/NĐ-CP; Thông tư 19/2016/TT-BYT, 07/2016/TT-BLĐTBXH và 24/2016/TT-BYT; Chỉ thị 31-CT/TW.	Người lao động nói chung; một số quy định đề cập người làm việc trong khu vực không có quan hệ lao động.	Chưa thấy quy định tích hợp đồng thời lao động tự do ngoài trời, nguy cơ nhạy cảm với khí hậu và bảo vệ sức khỏe.

Lĩnh vực chính sách	Văn bản được mô tả trong bản thảo	Đối tượng hoặc phạm vi thể hiện	Khoảng trống rút ra từ bằng chứng được rà soát
Tiếp cận dịch vụ và chăm sóc sức khỏe	Thông tư 19/2016/TT-BYT; Kế hoạch 172/KH-UBND.	Người lao động và người làm việc trong khu vực không có quan hệ lao động thông qua y tế cơ sở.	Chưa thể hiện hướng dẫn chăm sóc được thiết kế riêng cho điều kiện lao động ngoài trời hoặc thời tiết cực đoan.
Bảo hiểm và an sinh xã hội	Luật 58/2014/QH13; Nghị định 134/2015/NĐ-CP và 88/2020/NĐ-CP; Nghị quyết 28-NQ/TW.	Người lao động, bao gồm khả năng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện của lao động khu vực phi chính thức.	Các mô tả hiện có chưa cho thấy cơ chế bảo vệ chuyên biệt trước rủi ro sức khỏe nghề nghiệp nhạy cảm với khí hậu.
Thông tin, truyền thông và huấn luyện	Chỉ thị 31-CT/TW; Thông tư 02/2017/TT-VPCP; các kế hoạch địa phương; Quyết định 90/QĐ-LĐT-BXH và 98/QĐ-LĐT-BXH.	Người lao động, trong đó một số văn bản nêu khu vực không có quan hệ lao động.	Chưa thấy nội dung hướng dẫn nhất quán về nắng nóng, ngập lụt và các nguy cơ khí hậu cụ thể đối với lao động ngoài trời.
Khí hậu, môi trường và ứng phó thiên tai	Nghị quyết 20-NQ/TW và 24-NQ/TW; Nghị định 06/2022/NĐ-CP; Công điện 397/CĐ-TTg.	Phạm vi dân cư, môi trường hoặc ứng phó thiên tai nói chung; không xác định riêng lao động tự do ngoài trời trong phần mô tả hiện có.	Mối liên hệ giữa nguy cơ khí hậu, điều kiện làm việc ngoài trời và sức khỏe nghề nghiệp chưa được nêu rõ.
Trách nhiệm quản lý và môi trường đô thị	Thông tư 19/2016/TT-BYT, 15/2021/TT-BXD và 20/2021/TT-BYT; Nghị định 64/2010/NĐ-CP.	Cơ quan quản lý, cơ sở lao động, dịch vụ y tế và hoạt động quản lý môi trường; khả năng áp dụng cho nhóm đích chủ yếu là gián tiếp.	Cần xác minh điều khoản cụ thể để phân biệt quy định có khả năng áp dụng với quy định thực sự hướng tới nhóm lao động đích.

Kết quả nhất quán giữa sáu lĩnh vực: chưa xác định được văn bản nào kết nối rõ cả ba thành tố gồm nhóm lao động đích, nguy cơ nghề nghiệp nhạy cảm với khí hậu và biện pháp bảo vệ sức khỏe. Khoảng trống được diễn giải là thiếu sự ghi nhận tích hợp và chuyên biệt, không phải là hoàn toàn không có quy định có khả năng áp dụng cho nhóm này.

IV. BÀN LUẬN

Theo hiểu biết của nhóm nghiên cứu, tính đến thời điểm kết thúc thu thập dữ liệu, đây là một trong những tổng quan có cấu trúc đầu tiên về các chính sách liên quan đến người lao động tự do ngoài trời trong bối cảnh biến đổi khí hậu tại Việt Nam. Các văn bản được xác định thông qua Cơ sở dữ liệu Quốc gia về Văn bản pháp luật trong phạm vi thời gian nghiên cứu. Việc chỉ tìm kiếm trên một cơ sở dữ liệu có thể làm bỏ sót văn bản được lưu trữ hoặc lập chỉ mục ở nguồn khác; vì vậy, các tổng quan tiếp theo nên cân nhắc mở rộng nguồn tìm kiếm. Tổng quan cũng không bao gồm các dự thảo đang được xem xét và không đánh giá việc thực thi hoặc hiệu quả của chính sách.

Trong 45 văn bản được rà soát, không có văn bản nào tập trung đồng thời vào nhóm lao động tự do ngoài trời, nguy cơ nghề nghiệp nhạy cảm với khí hậu và biện pháp bảo vệ sức khỏe phù hợp. Kết

quả này cho thấy thiếu sự ghi nhận tích hợp và rõ ràng đối với giao điểm của ba thành tố trên; không nên diễn giải là hoàn toàn không có quy định có khả năng bảo vệ nhóm lao động này. Tổng quan không đánh giá tình trạng sức khỏe của người lao động, mức độ thực thi hoặc tác động của chính sách; các câu hỏi đó cần được xem xét bằng dữ liệu thực địa và nghiên cứu triển khai.

Tổng quan cho thấy cần phân biệt giữa mức độ liên quan chung và sự bao phủ chính sách rõ ràng. Một số văn bản chứa quy định có khả năng áp dụng cho người lao động phi chính thức hoặc điều kiện nghề nghiệp nhạy cảm với khí hậu, nhưng phần lớn không xác định lao động tự do ngoài trời là đối tượng riêng. Do đó, khoảng trống chính không nhất thiết là sự vắng mặt hoàn toàn của nội dung liên quan, mà là thiếu sự ghi nhận rõ và tích hợp nhóm lao động này trong các quy định về sức khỏe nghề nghiệp, an sinh xã hội và thích ứng khí hậu.

Các văn bản được rà soát đã đề cập đến tiếp cận dịch vụ y tế, an toàn, vệ sinh lao động, truyền thông và bảo hiểm đối với người lao động nói chung hoặc người làm việc không có quan hệ lao động. Tuy nhiên, ít văn bản trong tập tài liệu kết nối rõ các nguy cơ như nắng nóng và thời tiết cực đoan với điều kiện lao động ngoài trời và biện pháp bảo vệ sức khỏe dành cho lao động tự do. Bằng chứng quốc tế về tác động của stress nhiệt đối với năng suất và sức khỏe người lao động ngoài trời cung cấp bối cảnh cho khoảng trống này (4), nhưng không thay thế bằng chứng từ nội dung chính sách Việt Nam. Kết quả tổng quan có thể định hướng các nghiên cứu tiếp theo về tính phù hợp, mức độ thực thi và tác động của chính sách đối với nhóm lao động này.

V. KẾT LUẬN

Các văn bản được xác định qua Cơ sở dữ liệu Quốc gia về Văn bản pháp luật chứa những quy định trực tiếp, rộng hơn hoặc gián tiếp liên quan đến an toàn lao động, an sinh xã hội, tiếp cận dịch vụ y tế, thông tin và môi trường. Tuy nhiên, chưa xác định được văn bản nào đồng thời bao phủ rõ lao động tự do ngoài trời, nguy cơ nghề nghiệp nhạy cảm với khí hậu và biện pháp bảo vệ sức khỏe. Kết quả không chứng minh sự vắng mặt hoàn toàn của bảo vệ pháp lý, mà cho thấy thiếu sự ghi nhận tích hợp và chuyên biệt. Các chính sách tương lai cần làm rõ đối tượng, nguy cơ sức khỏe, tác động khí hậu và hướng dẫn an toàn phù hợp với lao động ngoài trời; đồng thời, cần nghiên cứu việc thực thi và tác động của các quy định hiện hành.

VI. LỜI CẢM ƠN VÀ NGUỒN TÀI TRỢ

Nghiên cứu này là một phần của chương trình nghiên cứu do Wellcome tài trợ và do Trung tâm Nghiên cứu Xã hội Quốc gia (National Centre for

Social Research – NatCen), Vương quốc Anh chủ trì (Mã tài trợ: 227993/Z/23/Z). Hoạt động rà soát chính sách làm cơ sở cho bài báo này được thực hiện bởi Viện Y học Ứng dụng Việt Nam. Các tác giả trân trọng cảm ơn TS. Vũ Ngọc Anh đã thực hiện phản biện chuyên môn cấp cao đối với các phiên bản của báo cáo và thảo luận bài báo, đồng thời cung cấp hướng dẫn về phương pháp luận trong suốt quá trình rà soát chính sách.

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ KHẢ NĂNG CHIA SẺ DỮ LIỆU

Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích liên quan đến nghiên cứu và bài báo này; và đều tham gia xây dựng ý tưởng, thiết kế nghiên cứu, giám sát thu thập số liệu, phân tích - diễn giải kết quả, viết và chỉnh sửa bản thảo, đồng thời đọc và phê duyệt bản thảo cuối cùng để công bố.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Tài nguyên và Môi trường.** Mục nước biển có xu thế tăng 2021 [Available from: <https://www.monre.gov.vn/Pages/muc-nuoc-bien-co-xu-the-tang.aspx>].
2. **Đề tài Khoa học Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế.** Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu 2012 [Available from: [https://thuathienhue.gov.vn/Con-bao-so-14/tid/Anh-huong-cua-bien-doi-ki-hau/newsid/33AF79DB-29C1-42B7-8888-AC34010C1C70/cid/632D3044-4BCF-48A8-A419-AC3100B260B3#:~:text=Theo%20%C4%91%C3%A1nh%2gi%C3%A1%20th%E1%BB%B1c%20tr%E1%BA%A1ng,%C4%91%C3%B3%20\(1931%2D1960\)](https://thuathienhue.gov.vn/Con-bao-so-14/tid/Anh-huong-cua-bien-doi-ki-hau/newsid/33AF79DB-29C1-42B7-8888-AC34010C1C70/cid/632D3044-4BCF-48A8-A419-AC3100B260B3#:~:text=Theo%20%C4%91%C3%A1nh%2gi%C3%A1%20th%E1%BB%B1c%20tr%E1%BA%A1ng,%C4%91%C3%B3%20(1931%2D1960))].
3. **Tổng cục Thống kê.** Tổng quan về lao động có việc làm phi chính thức ở Việt Nam. Nhà xuất bản Thanh niên; 2021.
4. **International Labour Organization,** Working on a warmer planet: The impact of heat stress on labour productivity and decent work. 2019.